

Bản án số: 1279/2022/KDTM-ST
Ngày: 20/4/2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng
2. Ông Chu Mạnh Tường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Ông Võ Cao Hùng- Kiểm sát Viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2021/TLST-KDTM ngày 18/5/2021 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1185/2022/QĐXXST-KDTM ngày 09 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1804/2022/QĐST-KDTM ngày 31/3/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng A (Có mặt)

Trụ sở: Số C đường D, phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh T (Giấy ủy quyền số 142/2021/GUQ-CNBT ngày 28/4/2021)

- Bị đơn: Công ty B (Có mặt)

Trụ sở: Số H đường số I, Phường J, Thành phố K, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Thanh T1

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Trần Thanh T1, sinh năm 1985 (Có mặt)

Bà Lê Thị G, sinh năm 1987 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số L đường số M, tổ N, Khu phố O, phường P, Thành phố K, Thành phố Hồ Chí Minh;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa, nguyên đơn Ngân hàng A (gọi tắt là: Ngân hàng) có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Thanh T trình bày:

Ngày 20/6/2018, Ngân hàng có ký với Công ty B (gọi tắt: Công ty B) Hợp đồng tín dụng số: LD 1817100352. Theo hợp đồng, các bên thỏa thuận như sau:

- Hạn mức tín dụng được cấp: 589,000,000 đồng.
- Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn kinh doanh
- Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng: 12 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Thời hạn của từng khoản cấp tín dụng cụ thể được xác định trong từng giấy nhận nợ.
- Lãi suất cho vay: Được xác định cho từng lần giải ngân theo thỏa thuận của các bên, phù hợp với quy định của pháp luật và được ghi cụ thể trong từng giấy nhận nợ.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho Công ty B, ông Trần Thanh T1 và bà Lê Thị G đã thế chấp tài sản của mình là chiếc xe ô tô con 5 chỗ ngồi, nhãn hiệu HYUNDAI TUCSON, số khung: RLUT9W13BJN003529, số máy: G4NAJU927822, biển số: 51 G-046.95 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 372095 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/6/2018. Việc thế chấp có lập hợp đồng thế chấp số 072/HĐTC/PTVT/2018, số công chứng 23086 do Phòng Công chứng số 3, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 20 và 21/6/2018, đã được đăng ký bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 22/6/2018.

Thực hiện hợp đồng tín dụng đã được giao kết, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty B vay số tiền 589,000,000 đồng theo Giấy nhận nợ số LD2018800773 ngày 06/7/2020.

Mặc dù hợp đồng vay đã hết hạn từ ngày 06/01/2021 nhưng cho đến nay Công ty B vẫn chưa thanh toán số tiền còn nợ cho Ngân hàng. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ tạm tính đến ngày 19/4/2022 là 598,777,272 đồng, trong đó vốn gốc là 509,000,000 đồng, lãi trong hạn 60,278,359 đồng, lãi quá hạn 29,277,464 đồng, lãi phạt chậm trả lãi 221,449 đồng.

Công ty B còn phải chịu lãi phát sinh kể từ ngày 20/4/2022 cho đến khi trả dứt nợ theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã được ký kết giữa hai bên.

Trường hợp Công ty B không trả được nợ thì đề nghị phát mãi tài sản bảo đảm để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Sau khi phát mãi tài sản đảm bảo mà không đủ để thanh toán số nợ phát sinh thì Công ty B có trách nhiệm thanh toán tiếp số tiền còn thiếu cho Ngân hàng.

Nguyên đơn xác nhận hiện đang giữ tài sản bảo đảm là chiếc xe ô tô biển số: 51 G-046.95 . Việc Ngân hàng giữ chiếc xe là căn cứ trên sự thỏa thuận của các bên tại Khoản 3 Điều 7 của hợp đồng thế chấp do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

* Tại bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa, bị đơn Công ty B có người đại diện theo pháp luật là ông Trần Thanh T1 trình bày:

Bị đơn xác nhận còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc và nợ lãi như nội dung trình bày của nguyên đơn. Do ảnh hưởng của dịch Covid 19 nên việc kinh doanh của công ty gặp khó khăn. Nay tài sản bảo đảm Ngân hàng đang giữ, Công ty B đồng ý phát mãi tài sản trên để trả nợ cho Ngân hàng. Nếu việc phát mãi tài sản vẫn không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Ngân hàng không được yêu cầu bị đơn thanh toán tiếp số tiền còn thiếu.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh T1 trình bày:

Ông không hài lòng với cách làm việc của Ngân hàng trong việc thực hiện hợp đồng tín dụng. Vào thời điểm Công ty gặp khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh, Ngân hàng đã không hỗ trợ khách hàng mà còn tìm cách giữ xe, gây khó khăn cho công ty. Ông đồng ý phát mãi tài sản thế chấp để trả nợ cho Ngân hàng. Nếu tài sản phát mãi không đủ để trả nợ thì Công ty B không có nghĩa vụ phải thanh toán số tiền còn thiếu.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị G vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên Tòa án không lấy lời khai của bà Gái được.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Ngoài vi phạm tố tụng về thời hạn xét xử, Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ do hợp đồng vay được ký kết giữa hai bên đã hết hạn thanh toán. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ tạm tính đến ngày 19/4/2022 là 598,777,272 đồng và tiền lãi phát sinh trên nợ gốc từ ngày 20/4/2022 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất quá hạn được quy định trong hợp đồng. Nếu bị đơn không trả nợ thì nguyên đơn được yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để trả nợ cho ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được công khai tại phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, được xem xét tại phiên tòa cùng lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Bị đơn Công ty B có trụ sở tại thành phố K, Thành phố Hồ Chí Minh nên tranh chấp

thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bà Lê Thị G đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên toà nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự trên.

[2] Về nội dung:

- Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ tạm tính đến ngày 19/4/2022 là 598,777,272 đồng và tiền lãi tiếp tục phát sinh từ ngày 20/4/2022 trên số dư nợ gốc cho đến khi thanh toán hết khoản nợ theo mức lãi suất quá hạn quy định tại các hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng nộp và lời thừa nhận của bị đơn, có cơ sở để xác định nguyên đơn đã giải ngân cho Công ty B vay số tiền 589,000,000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, bị đơn đã thanh toán được 80,000,000 đồng tiền nợ gốc và 24,108, 658 đồng tiền lãi trong hạn. Tạm tính đến ngày 19/4/2022, bị đơn nợ số tiền là 598,777,272 đồng, trong đó vốn gốc 509,000,000 đồng, lãi trong hạn 60,278,359 đồng, lãi quá hạn 29,277,464 đồng, lãi phạt chậm trả lãi 221,449 đồng.

Việc nguyên đơn tính lãi suất trong hạn cố định 03 tháng đầu 8,5%/năm, 03 tháng sau điều chỉnh tăng 8,9%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi phạt chậm trả lãi bằng 10%/năm trên số dư lãi trong hạn chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả là đúng với nội dung mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng và không vi phạm điều cấm của pháp luật về quan hệ tín dụng. Do thời hạn vay theo hợp đồng đã hết, việc Công ty B không thanh toán toàn bộ tiền gốc, tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng là xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền nợ trên là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ngoài ra, bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 20/4/2022 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất quá hạn được quy định tại Hợp đồng tín dụng số: LD 1817100352 ngày 20/6/2018, Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số: 01/TTSD/2019 ngày 06/7/2019, và Giấy nhận nợ số LD2018800773 ngày 06/7/2020 đã được ký kết giữa hai bên.

- Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để trả nợ cho Ngân hàng trong trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Khoản vay của Công ty B được bảo đảm bởi tài sản là chiếc xe ô tô con 5 chỗ ngồi, nhãn hiệu HYUNDAI TUCSON, số khung: RLUT9W13BJNOO3529, số máy: G4NAJU927822, biển số: 51 G-046.95 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 372095 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/6/2018. Việc thế chấp có lập hợp đồng thế chấp số

072/HĐTC/PTVT/2018, số công chứng 23086 do Phòng Công chứng số 3, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 20 và 21/6/2018, có đăng ký bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 22/6/2018 nên phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba kể từ thời điểm đăng ký. Vì vậy, trong trường hợp Công ty B không thanh toán nợ hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng được yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp trên theo quy định tại Điều 299 và Điều 319 Bộ luật Dân sự năm 2015 để trả nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp phát mãi tài sản đảm bảo mà không đủ để thanh toán số nợ phát sinh thì Công ty B có trách nhiệm thanh toán tiếp số tiền còn thiếu cho Ngân hàng. Nội dung yêu cầu trên của nguyên đơn đã được các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

-Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty B phải chịu án phí sơ thẩm trên số tiền phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng.

Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 186, Khoản 2 Điều 227, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 299 và Điều 319 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 3, Điều 4, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A.

Buộc Công ty B phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng A số tiền nợ tạm tính đến ngày 19/4/2022 là 598,777,272 đồng, trong đó vốn gốc 509,000,000 đồng, lãi trong hạn 60,278,359 đồng, lãi quá hạn 29,277,464 đồng, lãi phạt chậm trả lãi 221,449 đồng.

Công ty B phải có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi tiếp tục phát sinh từ ngày 20/4/2022 trên số dư nợ gốc cho đến khi thanh toán hết khoản nợ theo mức lãi suất quá hạn quy định tại Hợp đồng tín dụng số: LD 1817100352 ngày 20/6/2018, Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số: 01/TTSD/2019 ngày 06/7/2019 và Giấy nhận nợ số LD2018800773 ngày 06/7/2020 đã được ký kết giữa Ngân hàng A với Công ty B.

- Trường hợp Công ty B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả tiền thì Ngân hàng A được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô con 5 chỗ ngồi, nhãn hiệu HYUNDAI TUCSON, số khung: RLUT9W13BJNOO3529, số máy: G4NAJU927822, biển số: 51 G-046.95 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 372095 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/6/2018 để trả nợ cho Ngân hàng A.

Trường hợp phát mãi tài sản đảm bảo mà không đủ để thanh toán số nợ phát sinh thì Công ty B phải có nghĩa vụ thanh toán tiếp số tiền còn thiếu cho Ngân hàng A.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 27.951.091 đồng.

Ngân hàng A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.564.542 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0059173 ngày 17/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng A, Công ty B, ông Trần Thanh T1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bà Lê Thị G được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện KSND thành phố Thủ Đức, Tp.HCM;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Thị Minh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

